



zhōng biǎo

钟表

noun · clocks and watches

Example Sentences

Zhè jiā diàn mài gè zhǒng zhōng biǎo

这家店卖各种 钟表。

This store sells all kinds of clocks and watches.

Tā shì yì míng zhōng biǎo xiū lǐ shī

他是一名 钟表修理师。

He is a clock and watch repairman.

Trace each character, then write the word on your own.

钟	钟	钟	钟	钟	钟	钟	钟	钟	钟	钟
钟										
表	表	表	表	表	表	表	表	表	表	表